

NHÀ NƯỚC VÀ GIÁO HỘI - MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

I. PHẠM VI KHÁI NIỆM

Phần lớn các tôn giáo thế giới hiện diện ngày hôm nay đều nảy sinh trong lòng các nhà nước Cổ Trung đại. Vì thế, mối quan hệ Nhà nước với Giáo hội là mối quan hệ xã hội - tôn giáo phổ biến và lâu dài trong lịch sử loài người.

Chúng tôi muốn được bắt đầu bằng các khái niệm cơ bản có liên quan để nhìn nhận.

1. Giáo hội

Từ này được *Từ điển Bách khoa*, tập 2 định nghĩa: "*Giáo hội*: Tổ chức tôn giáo dựa trên cơ sở cùng chung tín ngưỡng, nghi lễ thờ cúng và giáo luật, bao gồm các tín đồ và các chức sắc (giáo sĩ, tăng lữ) có thứ bậc trên dưới"⁽¹⁾.

Tiếp đó từ điển này có các từ: *Giáo hoàng*, *Giáo hội Công giáo*, *Giáo hữu*, *Giáo phái Trưởng lão*, *Giáo phận*... nhưng lại không có từ quan trọng *Giáo phái*, một trong hai hình thức tồn tại của một tôn giáo, ít nhất là theo cách hiểu Tôn giáo học.

Trong khi Phật giáo rất ít khi tự định nghĩa về *Giáo hội*, thường chỉ nói đến các *Tông phái* và "*Giáo hội Phật giáo*" có vẻ là khái niệm của thế kỉ XX⁽²⁾ thì *Công giáo* từ rất lâu đã có hệ thống tín niệm về "*Giáo hội*".

Từ *eglise* trong cuốn *Dictionnaire de la foi chrétienne*⁽³⁾ được hiểu theo 3 nghĩa:

- *Theo nghĩa hẹp*, nó để chỉ xã hội pháp lí, tức là cơ chế phục vụ cho cộng đồng các thánh hướng dẫn, giảng dạy và cai quản cộng đồng này.

- *Theo nghĩa chuyên biệt hơn*: Giáo hội là yếu tố phẩm trật bên trong cộng đồng trên. Đó là các vị Giám mục đoàn (Đứng đầu là Giáo hoàng), có nhiệm vụ nuôi dưỡng đoàn chiên bằng lời *Chúa* và các *Phép bí tích*.

*. GS, TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Từ điển Bách khoa*, tập 2, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội 2002, tr. 127.

2. Về tổ chức, đến thế kỉ XX, mới thấy có *Hội nghị Tăng Già thế giới* (World Sangha Council); *Hội nghị Phật giáo Thế giới* (World Buddhist Conference); *Tổ chức Phật giáo Thế giới* (World Buddhist Organisation); *Hội Tăng già Phật giáo thế giới* (International Buddhist Brotherhood); *Hội nghị Phật giáo Châu Á* (Asian Buddhist Conference) và *Hội đồng Tăng già Quốc tế* (International Sangha Council).

Riêng ở Việt Nam, chỉ đến năm 1951 mới lập được *Tổng hội Phật giáo Việt Nam* (1951, Huế) gồm 3 hội Tăng già, 3 hội cư sĩ (Hội Phật giáo Việt Nam, Bắc Việt và Trung Việt), có tuyên ngôn, có cơ cấu, tổ chức quy củ...

Nhưng cũng phải đến năm 1981, khi Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam tiến hành tại chùa Quán Sứ, Hà Nội để thành lập *Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, thì Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội, mới có sự thống nhất toàn quốc. Đại hội đã quy tụ 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước, bao gồm cả Bắc Tông và Nam Tông. Có thể đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo thế giới có sự thống nhất như vậy.

3. *Dictionnaire de la foi chrétienne*, Paris, 1996,

Vì vậy, thường có sự chia tách: *Giáo hội hữu hình* (Eglise visible) và *Giáo hội*

ĐỖ QUANG HUNG^(*)

vô hình (Eglise invisible). *Giáo hội hữu hình* thì theo phương diện xã hội, có thể chế, phẩm trật, có các bí tích, nghĩa là theo phương diện các phương tiện của ơn Cứu độ. *Giáo hội vô hình* thì chỉ toàn bộ những người *được ơn gọi*, là chủ thể và hiệp thông với Chúa Giêsu Kitô.

- Theo nghĩa xã hội học, cụ thể hơn, cần phân biệt giữa *Eglise* và *les Eglises*. Tuy rằng, chỉ có một tên gọi, đó là Giáo hội của Thiên Chúa, một Giáo hội phổ quát, nhưng khi *Giáo hội* (số nhiều) lại có hai nghĩa:

+ Để chỉ các giáo hội cụ thể, địa phương: *Giáo hội Côrintô*, *Giáo hội Ephêsô*... cho đến *Giáo hội Tây Phương*, *Giáo hội Đông Phương* (Giáo hội Bysantin; Giáo hội Constantinôpôli), *Giáo hội Latinh* (Roma). Riêng *Giáo hội Roma* thường tự xưng là *Giáo hội Công giáo* với 4 đặc tính: Duy nhất, Thánh thiện, Công giáo và Tông truyền), là Giáo hội duy nhất của Chúa Kitô, của Phúc Âm và của các Giáo phụ.

+ Để chỉ các Cộng đoàn, thí dụ Giáo hội Luterô, Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Giacôbít...

Có lẽ vì tính phức tạp ấy, Giáo hội La Mã có truyền thống về môn *Giáo hội học* (Ecclesiologie), xem như một môn thần học chuyên bàn về Giáo hội.

c/ Ngoài những định nghĩa mang tính thần học như thế, Giáo hội Công giáo cũng có những "định nghĩa" ứng với tình hình chính trị - xã hội cụ thể.

Năm 1906, phản ứng lại *Luật Phân li* (1905) của nước Pháp vừa công bố, Giáo hoàng Piô X đã ra sắc chỉ *Vehementernos* (Encyclique *Vehementernos*) ngày 11-2-1906, trong đó có câu:

"Các biện pháp của Luật mới (*Luật Phân li* 1905-ĐQH) đi ngược lại với cơ sở pháp lí trên đó Giáo hội được dựng nên bởi đức Giêsu Kitô... Giáo hội là cơ thể mầu nhiệm (corps mystique) của Chúa Kitô cơ thể được tạo thành những người chăn chiên (pasteur) và những người giảng đạo (docteur), tổ chức của những con người trong đó có các thủ lĩnh, họ có đủ quyền lực và sức mạnh hoàn chỉnh để lãnh đạo, giảng dạy và phân xử. Do đó, mà Giáo hội này về bản chất là một xã hội siêu việt không có gì so sánh được"⁽⁴⁾.

Năm 1951, Nxb. Bình Minh, Nam Định, cho ra cuốn *Mấy quan niệm con người xã hội - tôn giáo*, biên dịch từ cuốn *Ami du Clerges*, trong đó có đoạn:

"Thiên Chúa đã chia quyền bính ra làm hai: "Thần quyền và Nhân quyền". Quyền trên đó lãnh đạo việc Thiên Chúa, quyền dưới để chuyên việc nhân loại. Hai quyền đều Tối cao trong phạm vi công việc của mình".

"Thiên Chúa đã lập ra thần quyền tôn giáo trong Giáo hội cùng với các thẩm quyền xã hội khác. Dẫn dắt con người đi đến việc đạo đức là công việc Giáo hội, chứ không phải việc của Chính phủ. Giáo hội không phản đối một chính thể nào: Quyền bính đều do Thiên Chúa và bất di bất dịch, hình thức tổ chức chỉ là sự tùy tùng!"

Cũng như sự đa dạng của các tôn giáo, "Giáo hội" cũng đã được hiểu rất khác nhau, dù về bản chất nó đều là tổ chức của các tôn giáo mà thôi.

4. Xem: J. Boussinesa. *La laïcité française. Memento Juridique*, Ed. du Seuil; P. 50.

2. Giáo phái

Nói đến quan hệ Nhà nước - Giáo hội cũng buộc phải nói đến "Giáo phái", vì đó cũng là một hình thức tồn tại khác của các tôn giáo.

Nghiên cứu xã hội học về Tin Lành và các giáo phái có lẽ đầy đủ nhất là M. Weher và E. Troeltsch (1865-1923).

Theo ý kiến của hai ông này ta có thể đưa ra sự so sánh:

Giáo hội	Giáo phái
* Quy định giá trị cho giáo dân, Nhà thờ tạo ra sự cứu rỗi * Bảo thủ, quản lý bằng giáo luật * Cha truyền con nối * Giáo hội tùy thuộc hàng Giáo phẩm, có luật định. * Có tính hệ tư tưởng rõ rệt.	* Giáo phái là do đám người giao kèo, có tính thoả ước * Cố kết bằng một thứ triết để luận * Tính cách dân thân * Kể cầm đầu (gourou) có tính thần bí như là "Chúa chọn". * Không tuyệt đối về tư tưởng.

Chính vì sự phân tích như thế, có lúc E. Troeltsch đã nói: "Giáo phái là sự cáo chung với mối liên hệ giáo hội"⁽⁵⁾.

Người Pháp có sự phân biệt rạch ròi *Giáo hội* với *Giáo phái*, luôn coi Giáo phái vừa là phạm trù tôn giáo học (khoa học), vừa có ý nghĩa xấu, tiêu cực (báo chí).

Theo ông J. P. Berthon, người Nhật rất ít dùng khái niệm *Sectes*, vì ngay như đạo Shinto cũng là "dominante" rồi. Người Nhật ưa dùng "Tôn giáo mới" chỉ các "giáo phái" nói chung.

Người Mỹ lại quen dùng *Denomination* thay cho *Sect*. Chỉ vậy cũng chứng tỏ người Mỹ rất mềm dẻo với vấn đề "Giáo phái". Ở đất nước mà đạo Tin Lành chế ngự này, việc phân tách *Giáo hội* và *Giáo phái* thực vô cùng rắc rối.

Chẳng hạn, ở Châu Âu, Tin Lành *Giám lý* (Methodisme), vốn thoát thai từ Giáo hội Anh, như một *giáo phái*, một thứ "Tôn giáo của trái tim". Qua Mỹ, *Methodist* rất mạnh, đa dạng. Về mặt tổ chức "Methodist" ở Mỹ vừa là *Giáo hội*, *Giáo phái* vừa là "Hiệp hội": United Methodist Church, African Methodist Episcopal Church, Christian Methodist Episcopal Church... trong đó có những

Giáo phái
* Giáo phái là do đám người giao kèo, có tính thoả ước * Cố kết bằng một thứ triết để luận * Tính cách dân thân * Kể cầm đầu (gourou) có tính thần bí như là "Chúa chọn". * Không tuyệt đối về tư tưởng.

3. Dĩ nhiên, khi nói về quan hệ Nhà nước - Giáo hội chúng ta còn đụng đến nhiều khái niệm khác: Tổ chức tôn giáo, tổ chức xã hội tôn giáo, Hội đoàn tôn giáo, tài sản Giáo hội...

Vậy là, ta có thể đi đến kết luận đầu tiên về *Giáo hội* và *Tổ chức tôn giáo*. Giáo hội là tổ chức phổ biến của các tôn giáo. Nhưng lại có những tổ chức tôn giáo không được gọi là Giáo hội, không có tính cách Giáo hội. Hơn nữa, vì tôn giáo thường tồn tại dưới hai hình thức: *Giáo hội* và *Giáo phái*, cho nên vấn đề càng phức tạp, phải xét từng tôn giáo cụ thể.

5. Xem: *Protestantisme et modernité*, Ed. Gallimard, Paris, 1991.

6. Xem: *Handbook of Denominations in the United States*; Abingdon Press, Mỹ, 1995.

II. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ QUAN HỆ NHÀ NƯỚC VÀ GIÁO HỘI

1. Yêu cầu khách quan của việc tách Giáo hội khỏi Nhà nước

Mặc dù trong Kinh Tân ước có câu "Của Xêda, trả về Xêda; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa" (Mt 22, 21), nhưng cũng phải ngót 20 thế kỉ sau, mới có sự khẳng định rõ ràng một *nguyên tắc xây dựng tổ chức xã hội*, đó là nguyên tắc phải tách biệt quan hệ Nhà nước và Giáo hội.

Đó là luận điểm nổi tiếng sau đây của C. Mác trong tác phẩm *Về vấn đề Do Thái* (1843). C. Mác viết: "Nhà nước mà còn cần lấy tôn giáo làm nền tảng thì chưa phải Nhà nước đích thực [...]. Cái gọi là Nhà nước Cơ Đốc giáo, thực ra là một Nhà nước không hoàn bị vì nó cần phải có Cơ Đốc giáo để bù đắp tính chất thiếu hoàn hảo và trở nên thiêng liêng... Còn Nhà nước dân chủ, một Nhà nước thực sự, thì nó không cần đến tôn giáo để bù đắp về mặt chính trị cho mình"⁽⁷⁾.

Nguyên tắc này không phải bỗng nhiên mà có. Loài người đã phải đấu tranh, nhiều khi phải đổ máu qua hàng ngàn năm để có nguyên tắc ấy. Nói cách khác, không phải mọi thời đại, không phải mọi xã hội cũng tổ chức theo nguyên tắc ấy.

Ngày hiện nay, trong khi đa số các quốc gia đã theo nguyên tắc ấy và tổ chức nhà nước theo lối nhà nước thế tục thì vẫn còn không ít các quốc gia vẫn theo lối Nhà nước - Tôn giáo, luật đạo vẫn chế ngự luật đời.

Hiện nay, nhiều quốc gia Hồi giáo và Ấn Độ giáo, vẫn sử dụng hệ thống pháp luật còn dựa vào tôn giáo và luân lí. Nhưng ta cũng lưu ý là, *Luật pháp Hồi giáo* chỉ áp dụng cưỡng chế với những

công dân theo đạo Islam mà thôi (giống như bên Công giáo có *Giáo hội pháp*, tức *droit Canonique*, Luật giáo hội).

Hơn nữa, Luật giáo hội *chỉ quy định về Gia đình*. Còn vấn đề tài sản thì hầu hết vẫn thuộc luật dân sự nước sở tại. Riêng *Luật Hồi giáo* có nội dung phong phú hơn, nó quy định tất cả các mối tương quan xã hội.

Nhưng ngay Luật Hồi giáo cũng có sự phân biệt: Nó không bao trùm lên trên luật dân sự nước sở tại. Nhiều quốc gia Hồi giáo đã thế tục hoá, luật pháp rất gần dân luật của Pháp và Châu Âu.

2. Lịch sử vấn đề

Ý tưởng về sự tách biệt tôn giáo và chính trị, Nhà nước và Giáo hội được nảy nở ngay trong xã hội Hy Lạp cổ đại, nơi có truyền thống duy lí nổi tiếng trong lịch sử và văn hoá của nước này.

Trong cuốn *Nguồn gốc tư tưởng Hy Lạp*, nhà nghiên cứu người Pháp J.P. Vernant có nhận định: "Trong văn hoá Hy Lạp, cái lí thực ra đã được thiết lập, hình thành từ lâu và được thể hiện trước tiên ở bình diện chính trị. Kinh nghiệm về đời sống xã hội đã được người Hy Lạp đặt làm đề tài để tích cực suy luận, vì trong đời sống của công xã thị tộc (Polis), kinh nghiệm ấy đã được coi là một đề tài để công chúng thảo luận.

Tư tưởng huyền thoại bắt đầu xuống dốc khi mà các nhà hiền triết bắt đầu luận bàn về trật tự xã hội, tìm cách hiểu nó là gì và diễn tả nó bằng các công thức dễ hiểu, đồng thời áp dụng vào đó phép đo lường lấy số lượng làm tiêu chuẩn. Từ

7. C. Mác, Ph. Ăngghen *Toàn tập*, Nxb. CTQG, 1995, T1, tr. 541-542.

đó mới xác định một đường lối tư tưởng chính trị tách biệt khỏi tôn giáo"⁽⁸⁾. Sau

đó mới là những suy luận về vũ trụ, hình thành môn Triết học và khoa học.

Nhưng các công xã thị tộc ấy ở Hy Lạp cũng như ở Roma chỉ thịnh hành được hơn một thế kỉ, cho đến khi những chính khách như César, Alexandre Đại đế phế bỏ nó, lập ra Đế quốc La Mã rộng lớn, bao gồm nhiều dân tộc và văn hoá khác nhau. Các vị hoàng đế này lại quay về ngay với quan niệm xưa, lẫn lộn tôn giáo và chính trị, thậm chí có những hoàng đế Roma còn buộc thần dân suy tôn mình là thần linh nữa.

Sau khi đế quốc La Mã bị tách đôi, hai miền chia ra theo ngôn ngữ: Giáo hội phía Đông là *Giáo hội Chính Thống* nói tiếng Hy Lạp và *Giáo hội Roma* phía Tây, nói tiếng Latinh. Giáo hội phía Đông, tuy có phân biệt *thần quyền* và *thế quyền*, nhưng trong thực tế thì đều tùy thuộc vào nhà cầm quyền bất kể chế độ nào. Thói quen chính trị ấy khiến khu vực này có tình trạng *Nhà nước luôn đứng trên tôn giáo*. Trong khi đó, ở khu vực Tây Âu, ngược lại Giáo hội Công giáo trị vì lại luôn có vị trí *đứng trên chính quyền*.

Đến thế kỉ XI, giáo quyền thắng thế, nó chi phối, có khi đồng nhất với thế quyền. Chỉ đến thế kỉ XVI, cuộc canh tân tôn giáo của Luther đề xướng thành công, Tin Lành tách khỏi Giáo hội Công giáo Roma, lại là lúc thành lập các quốc gia Âu Châu như Anh, Pháp, Đức, các vua vừa muốn phế bỏ đòi hỏi của Giáo hội lại vừa muốn giáo quyền công nhận quyền bính của mình là thiêng liêng!

Hậu quả của cuộc chiến tranh tôn giáo là làm cho các triết gia suy nghĩ thêm về chính trị - Nhà nước, phải coi đó là *việc chung*, còn tôn giáo phải là *chuyện riêng tư*, tức là trở lại suy tư của người Hy Lạp

cổ đại xưa! Vậy là từ Hugo Grotius (1583-1645), Thomas Hobbes (1588-1679), John Locke (1632-1704) và đặc biệt J.J. Rousseau (1712-1778)... đã góp phần tạo ra lí thuyết về một Nhà nước chỉ căn cứ vào nhu cầu và đòi hỏi của con người vào các "khế ước xã hội" mà thôi, chứ không còn tựa vào những nguyên tắc tôn giáo nữa. Đó chính là ý tưởng giải quyết vấn đề tôn giáo trong quan hệ với Nhà nước của cuộc Đại cách mạng Pháp (1789), lật đổ một chế độ quân chủ chuyên chế vốn luôn tựa vào Kitô giáo. Cho nên câu dẫn trên đây của C.Mác chính là sự phê phán chính sách chính trị của nước Phổ, lúc đó còn là chế độ cũ giống nước Pháp trước cuộc Cách mạng.

3. Đóng góp của Đại cách mạng Pháp 1789 và cách mạng Tư sản Châu Âu

Nói về vai trò của nước Pháp trong việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với Giáo hội, nhà nghiên cứu J. Boussinesq viết:

"Nhà nước dân sự ở Pháp đã được *thế tục hoá* từ 1792 nhưng cho đến Hiến pháp 1804 cũng chưa đề cập đến tôn giáo... Bộ luật hình sự (1810), các khoản 199 và 200, cấm những người phụ trách các tôn giáo cử hành lễ cưới theo lối tôn giáo, nếu như những người tham gia không đưa ra được bằng chứng là đã trải qua một lễ cưới dân sự"⁽⁹⁾.

Chúng ta đã biết, di sản tư tưởng của Cách mạng Pháp 1789 thực lớn với nhân loại. Lần đầu tiên, cuộc cách mạng ấy *tạo ra một quyền lực bằng chính chủ thể con*

8. *Les origines de la pensée grecque*, Presses Universitaires de France, Paris, 1983, P. 131-132.

9. *La laïcité Française*, Paris, 1994, tr. 13.

người, tách khỏi sự phán xét của thần quyền. Khái niệm *Nhà nước thế tục* là

một biến cố quan trọng trong lịch sử luật pháp nhân loại.

Nhưng việc chuyển nó vào các định chế luật pháp lại không đơn giản, trước hết nó vấp phải sự chống đối quyết liệt của Tòa thánh.

- Ngay ở Pháp, từ khi có bản *Tuyên ngôn nhân quyền* (1789), Hiến Pháp 1946, mãi đến Hiến Pháp 1958, nước này mới *khẳng định được là Nhà nước thế tục!*

"Điều 2. Nước Pháp là một nước Cộng hoà, không thể phân chia, mang tính thế tục, dân chủ và xã hội. Nó bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân không có sự phân biệt về nguồn gốc chủng tộc và tôn giáo"⁽¹⁰⁾.

Bộ *Luật Phân li* nổi tiếng của Pháp⁽¹¹⁾ ra đời sau 115 năm khi có dự luật đầu tiên 1795.

Đây là đóng góp đặc biệt quan trọng của nước Pháp vì họ đã tìm ra *mô hình Thỏa ước* này. Khi nghiên cứu lịch sử luật pháp tôn giáo, ông A. Boyer có nhận xét hay: "Sự đối kháng giữa Giáo hội Công giáo và quyền lực thế tục kéo dài hàng thế kỉ ở Châu Âu cho đến khi có sự cân bằng nhất định giữa 2 phía thể hiện qua chế độ *Concordat* (Thỏa ước) trong gian đoạn cải cách cuối thế kỉ XIX. Mặc dù đã thuộc về quá khứ, *Concordat* vẫn được coi là hình thức pháp lí hoàn thiện nhất của những mối quan hệ hợp pháp giữa sức mạnh thần quyền và thế quyền. Bản thân chế độ "phân li" không phải là sự xoá bỏ mọi sức mạnh của nhà thờ trong xã hội mà thực ra là sự thỏa ước để đưa các hoạt động tôn giáo vào khuôn khổ của các tổ chức hiệp hội"⁽¹²⁾.

Cái lớn lao mà bộ *Luật Phân li* làm được là qua *chế độ thỏa ước* (régime Concordataire) đã khẳng định 3 nguyên tắc cơ bản: tách Giáo hội khỏi Nhà nước,

tách nhà trường - hệ thống giáo dục ra khỏi giáo dục nhà thờ và coi tôn giáo là việc cá nhân mỗi người. Khi xác định các nguyên tắc ấy, một mặt người ta đảm bảo vị thế độc lập bao trùm của Nhà nước, luật Dân sự, đồng thời vẫn thoả mãn quyền con người về mặt tôn giáo: Tự do ý thức (la Liberté de Conscience); tự do tôn giáo (la Liberté religieuse) và tự do thực hành thờ cúng (la Liberté exercice du culte). Như vậy, rõ ràng là *Luật Phân li* có ý nghĩa phương pháp luận, tính triết học cao và nó còn giải quyết hàng loạt vấn đề cụ thể quan trọng trong bộ luật 6 chương, 47 điều: xác lập tính khoan dung, chống cực đoan tôn giáo, một mô hình có tính nguyên tắc về một nhà nước thế tục trong quan hệ Nhà nước và Giáo hội cũng như về mặt quản lí tôn giáo (đưa về Bộ Nội vụ), đưa khái niệm *Laique* (Lối đời) và *Sécularisation* (Thế tục hoá) vào ngôn ngữ luật pháp.

Boyer đã tóm tắt trong công trình của mình những cái mà luật pháp Pháp và Châu Âu đã làm được về quản lí tôn giáo:

a) Về các *Hiệp hội tín ngưỡng* (Associations Culturelles) và các *Hội hành đạo* (Associations pour l'exercice des Cultes).

b) Về vấn đề *Chức sắc tôn giáo* hay *những người quản lí tôn giáo* (Les ministres des Cultes).

10. Sdd, tr. 14.

11. *Loi concernant La Séparation des Eglises et de l'Etat*, 9 Decembre 1905.

12. A. Boyer. *Le droit des religions en France*, Nxb. PUR, Paris, 1993, p. 18.

c) *Chế độ pháp lí* với các nơi thờ cúng (*Régime des lieux de culte*).

d) Về các *Hội đoàn tôn giáo* (Les Congregations).

e) *Nhà nước, người bảo hộ các tôn giáo*

Trong các lĩnh vực trên, luật pháp Pháp và các nước Châu Âu khác dĩ nhiên có nhiều điểm cụ thể khác nhau. Nhưng nói chung, 3 nguyên tắc cơ bản nói trên của bộ *Luật Phân li* đều được quán triệt rõ rệt trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội.

4. *Vấn đề quyền tự do - tín ngưỡng*, về mặt luật pháp, cũng là một nội dung rất quan trọng trong quan hệ Nhà nước - Giáo hội.

Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ 1776 chưa nói đến tự do tôn giáo. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789* của Pháp có nói đến *Tự do* (điều 4); *Trao đổi tư tưởng* (điều 11), nhưng cũng chưa nói đến tôn giáo. *Luật Phân li* (1905) nói trên có nói đến *Quyền tự do lương tâm* và *Quyền thực hành thờ phụng* (điều 1) với "hạn chế duy nhất là phải đảm bảo lợi ích công cộng".

- Phải đến *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền* (LHQ, 10/12/1948) mới có *Điều 18* về Tôn giáo:

"Mỗi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền này bao gồm cả sự tự thay đổi tôn giáo và tín niệm cũng như tự do thể hiện tôn giáo và tín niệm của mình - một mình hay chung nhau, giữa công chúng hay nơi riêng lẻ, thông qua giảng dạy, tập quán, thờ cúng và làm các nghi lễ"⁽¹³⁾. Sau đó, *Hiệp ước Châu Âu về việc bảo vệ các quyền con người và các quyền tự do cơ bản*, ngày 4 - 11 - 1950, cũng góp thêm 2 điều làm phong phú thêm Công ước Quốc tế:

Điều 9: "Tất cả mọi người có quyền được hưởng tự do tư tưởng, tự do ý thức và tôn giáo; quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tôn giáo và đức tin, cũng như

tự do biểu hiện tôn giáo của mình cá nhân hay tập thể ở nơi công cộng cũng như tư nhân...

Điều 14: Việc thỏa mãn các quyền tự do được trình bày trong Hiệp ước này phải đảm bảo, không có sự phân biệt, đặc biệt sự phân biệt về giới tính, chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo..."⁽¹⁴⁾.

- Gần đây nhất là *Tuyên ngôn Vienna và chương trình hành động* (Hội nghị thế giới về Nhân quyền, thông qua ngày 25/6/1993).

Tuyên ngôn này làm phong phú hơn nữa khái niệm *quyền con người* "là những giá trị phổ quát, không thể chia cắt, phụ thuộc và liên quan với nhau. Trong khi phải lưu ý đến đặc thù dân tộc, khu vực, lịch sử, văn hoá và tôn giáo, các quốc gia không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hoá có nghĩa vụ cao cả là bảo vệ các quyền con người và quyền tự do cơ bản". Riêng với vấn đề *nhóm thiểu số về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo*, *Tuyên ngôn Vienna*, có 2 điều cụ thể:

Điều 25: Khẳng định quyền của các nhóm thiểu số, tôn giáo và ngôn ngữ mà các chính phủ phải quan tâm.

Điều 26: Kêu gọi bảo vệ các quyền của họ phù hợp với *Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc*...

Bản thân các Công ước Quốc tế tự nó không tạo ra giá trị luật pháp, nhưng nó lại rất quan trọng trong hệ thống luật pháp các quốc gia hiện nay.

13. Xem: *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin KHXH, HN, 1995, tr. 628.

14. Xem: J. Boussinesq, Sdd. P. 14.

Theo nghiên cứu của Rudinski và Shapirô (Các nhà nghiên cứu lịch sử luật pháp Nga đương đại) thì:

a) Về nội dung quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (chủ yếu qua *Điều 18* Tuyên ngôn nhân quyền LHQ 1948 và *Điều 18* Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị) gồm: a) Tiếp nhận tôn giáo hay chính kiến tùy sự lựa chọn; b) Có tôn giáo hay chính kiến; c) Thay đổi tôn giáo hay chính kiến; d) Truyền bá tôn giáo hay chính kiến cá nhân hay tập thể; e) Bảo đảm việc cha mẹ hay người đỡ đầu hợp pháp giáo dục đạo đức và tôn giáo cho con cái tùy theo chính kiến riêng...

Cũng theo hai ông, "Tự do tín ngưỡng là khả năng tự do lựa chọn thế giới quan trong lĩnh vực tinh thần, khả năng thể hiện những quan điểm tôn giáo và vô thần. Và cuối cùng, tự do tôn giáo bao gồm khả năng tiến hành nghi lễ tôn giáo, hành lễ thờ cúng, tự do của giáo hội"¹⁵.

b) Các tác giả này cũng cụ thể hoá, hệ thống hoá các quyền mà các Tổ chức tôn giáo có thể có, cũng như vấn đề thể thức thành lập các tổ chức tôn giáo; quyền sở hữu và các quyền pháp nhân tôn giáo...

Để khép lại vấn đề này, có thể kết luận rằng, vấn đề *thế tục hoá* (Sécularisation) là sản phẩm từ phương Tây về quá trình tách biệt quyền lực nhà nước với tôn giáo.

Diễn trình trên đã qua 3 giai đoạn.

1) Thời kì sơ khai, nhân loại đã trải qua *chế độ thần quyền* trong đó tôn giáo hoàn toàn đồng nhất với chính trị. Tôn giáo là ý thức hệ bao trùm, quyền thống trị luôn từ một đấng thiêng liêng tối cao, duy nhất. Người cầm đầu nhà nước có cả uy quyền dân sự và tôn giáo... Tình trạng này hiện nay còn tồn tại ở một số quốc gia Hồi giáo.

2) Giai đoạn xung đột, phân tranh hai quyền lực: thời điểm các quốc gia ở Âu Châu hình thành đã có sự phân lập giữa

thế quyền và *thần quyền*. Tuy vậy giữa hai thế lực đó vẫn còn xung đột gay gắt.

3) Giai đoạn *quốc gia thế tục*: Giai đoạn này bắt đầu từ thế kỉ XVIII với khuynh hướng triết học ánh sáng, khẳng định bằng thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản Âu Châu.

Mô hình của quốc gia thế tục là như sau: phân lập rạch ròi xã hội dân sự với thể chế tôn giáo. Quốc gia không hành xử quyền lực tôn giáo và giáo hội không hành xử quyền lực chính trị (định chế hoá và thế tục hoá chính quyền).

Đây là "sự phân công vĩ đại" của loài người. Một tiến bộ lớn.

III. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA MỐI QUAN HỆ NHÀ NƯỚC VÀ TÔN GIÁO

Vì sao việc giải quyết mối quan hệ Nhà nước - Giáo hội lại kéo dài và phức tạp trong lịch sử nhân loại?

a) Về phía nhà nước, đặc biệt là các nhà nước thế tục đều mặc nhiên thừa nhận quyền *tự do tôn giáo* và thi hành các chính sách "phân li" với các giáo hội. Nhưng mặt khác vấn đề an ninh quốc gia, trật tự xã hội thường đặt ra trước các thực tại xã hội, trong đó có các giáo hội, một nhu cầu có tính nguyên tắc và thiêng liêng và không phải lúc nào cũng dễ dàng được các giáo hội chấp nhận.

15. Xem: *Tự do tôn giáo tín ngưỡng và luật pháp*. Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, Mátxcova, N^o 5, 1992 (tiếng Nga).

b) Về phía giáo hội, ngoài ý muốn chủ quan của những người lợi dụng thần quyền, còn có lí do sâu xa là *Tôn giáo vốn là một yếu tố hội nhập tập thể* của loài người khi hình thành xã hội. Trong khi ấy, nhà nước là một thứ quyền bính trần thế có xu hướng quản lí, gò ép nó.

Khi xem xét quan hệ giữa tôn giáo với chính trị, nhà nước, vì thế, ta cần lưu ý trên cả 2 phương diện sau:

1) Trên bình diện định chế, luật pháp

Như đã nói ở trên, vào thời Cổ đại cho đến thời Trung cổ, nói chung quan hệ này là đồng nhất, tôn giáo là chính trị và ngược lại. Khi nhiệm vụ xây dựng nhà nước gia tăng với sự xuất hiện nhiều tôn giáo nhập thế, khiến quốc vương cũng không thể đồng thời là giáo chủ, đó là lúc buộc *thế quyền* và *thần quyền* phải phân lập⁽¹⁶⁾.

Nói cách khác, cách mạng Tư sản Âu Châu cũng là thắng lợi của tư tưởng quốc gia thế tục.

Riêng ở nhiều nước Châu Á, đặc biệt ở Đông Nam Á, chưa thấy có quốc gia nào, tôn giáo được xem là đối thủ đe dọa quốc gia. Nhìn chung, Nhà nước thường đứng trên tôn giáo. Tuy thế, yếu tố tôn giáo cùng với các yếu tố dân tộc, sắc tộc vẫn luôn luôn là nguy cơ tiềm ẩn thách đố quốc gia.

2) Trên bình diện sinh hoạt chính trị - xã hội.

Trên bình diện pháp chế, mối tương quan tôn giáo và chính trị có thể dẫn đến sự quân bình giữa Giáo hội và Nhà nước. Nhưng trong đời sống xã hội, tôn giáo thường vẫn giữ địa vị đáng kể vì nó vẫn ảnh hưởng cách này cách khác đến xã hội dân sự. Đặc biệt ở những quốc gia vốn bất ổn về chính trị, phân hoá và chiến tranh, khiến cho tôn giáo càng có vị trí đặc biệt: nó vẫn thường là yếu tố *hội nhập*, *cố kết* hoặc *phân li* đối với quốc gia.

Cũng theo các nhà xã hội học trên bình diện chính trị học, *các giáo hội thường được xếp vào loại những đoàn thể áp lực*.

Trong cuốn *Les groupes de pression en France*⁽¹⁷⁾, Armand Colin có giải thích rõ về "Đoàn thể áp lực" (Pressure groups). Theo ông, đó là khái niệm chỉ các nghiệp

đoàn, hiệp hội tôn giáo luôn có hoạt động gây áp lực với công quyền, trực tiếp hoặc gián tiếp. Về kỹ thuật, các đoàn thể ấy chưa phải là một tổ chức chính trị, vì nó đứng ngoài chính quyền, chính đảng. Nó không ra tranh cử, không tham dự trực tiếp vào bộ máy quyền lực và cũng chưa có mục tiêu giành chính quyền⁽¹⁸⁾.

Nó tuy đứng ngoài quyền lực, nhưng sức ép của nó với chính quyền lại rất lớn. Thế lực của các "Đoàn thể áp lực" ấy rất tiềm tàng: nó bắt nguồn từ "uy tín" của tôn giáo đó trong dân chúng và bản thân *cơ cấu tổ chức giáo hội* của nó cũng là một sức mạnh khi được sử dụng vào các chiến thuật chính trị.

Kinh nghiệm Xô Viết

Trong khi phát triển các luận điểm mạt xít về tôn giáo, Lênin rất chú trọng mối quan hệ Nhà nước (XHCH) với Giáo hội. Những luận điểm có tính cương lĩnh của Đảng CNXHDC Nga với tôn giáo và Giáo hội được Lênin đề ra trong bài *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo* (1905): "Tôn giáo phải là một việc tư nhân, nhưng đối với Đảng của chúng ta, bất luận thế nào, chúng ta

16. A. Haurion. *Droit constitutionnel et institution politique*, éd. Monchrestienne, Paris, 1968, p. 133-115.

17. Armand Colin. *Les groupes de pression en France*. Paris, 1958.

18. Cũng xem: M. Daverger. *Methodes de la Sciences politique* P.U.F. Paris, 1959.

không thể coi tôn giáo là một việc tư nhân được. Nhà nước không được dính đến tôn giáo, các đoàn thể tôn giáo không được dính đến chính quyền Nhà nước...

Nhà nước không được chi bất cứ một khoản phụ cấp nào cho Giáo hội, cũng như cho các dòng tu hay đoàn thể tôn giáo, những đoàn thể này phải là những hội liên hiệp hoàn toàn tự do, hoàn toàn không dính dáng gì đến chính quyền..."⁽¹⁹⁾.

Ngay năm 1903, Lênin đưa vào Cương lĩnh của Đảng CNXHDC Nga ở Đại hội II: "Đảng coi nhiệm vụ chính trị trước mắt của mình là lật đổ chế độ chuyên chế Sa hoàng và thay thế nó bằng chế độ cộng hoà dân chủ có hiến pháp... 5. Tự do không hạn chế về tín ngưỡng, ngôn luận, ấn loát và hội họp... 7. Xoá bỏ đẳng cấp và đảm bảo bình đẳng giữa các dân tộc không phân biệt nam nữ, tôn giáo, màu da và dân tộc... 13. Tách Giáo hội khỏi Nhà nước và nhà thờ khỏi trường học..."⁽²⁰⁾.

Sắc lệnh đầu tiên về tôn giáo của Nhà nước Xô Viết không chỉ xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc, tôn giáo mà còn nhấn mạnh xoá bỏ tình trạng chia tôn giáo thành các tôn giáo "thống soái", "tôn giáo đàn áp chấp nhận và tôn giáo không thể chấp nhận"; làm cho hệ thống giáo dục thành phi tôn giáo. Trong khi không ngăn cấm việc kết hôn tại nhà thờ, các đạo luật Xô Viết khẳng định việc kết hôn bình thường của công dân là cần thiết, hợp pháp. Bãi bỏ việc Nhà nước cấp tài chính cho các tổ chức tôn giáo và cùng với ruộng đất của địa chủ, ruộng đất nhà thờ cũng được trao cho nông dân.

Hiến pháp đầu tiên của nước Nga Xô Viết (10-7-1918) phản ánh rõ nguyên tắc trên đây. Nhưng cũng khẳng định *Quyền tự do tuyên truyền vô thần*, quy định quyền cư trú cho người nước ngoài đang bị khủng bố vì quan điểm chính trị và tôn giáo.

Chính phủ Xô Viết đã ra sắc lệnh về các liên minh tôn giáo để bình thường hoá quan hệ ấy, thông qua ngày 8/4/1929, đồng thời *cụ thể hoá thêm quan hệ pháp lý* giữa Nhà nước và Giáo hội.

Năm 1936, trong *Hiến pháp mới* của LBCHXHCN Xô Viết khẳng định sự hợp thức hoá trật tự xã hội và trật tự Nhà nước của CNXH. Điều 124 Hiến pháp này

ghi rõ: "Để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của công dân, Giáo hội ở Liên Xô được tách khỏi Nhà nước và trường học tách khỏi nhà thờ và đảm bảo cho mọi công dân có quyền tự do thực hiện mọi sự tin theo tôn giáo cũng như sự tự do tuyên truyền chống tôn giáo"⁽²¹⁾.

Hiến pháp Liên Xô (1977) lại có bước tiến mới: "Cấm mọi sự gây thù địch và gây căm thù liên quan đến tín ngưỡng". Điều này bảo đảm cho các công dân không phụ thuộc vào quan hệ của họ với các giáo hội. Liên Xô lúc đó có *một hệ thống pháp lý* nhằm làm cho các quan niệm tôn giáo và vô thần tuyệt đối không ảnh hưởng đến đời sống xã hội cũng như đời tư con người và cũng không ngăn cấm họ sử dụng các quyền chính trị, kinh tế và các quyền khác.

Từ năm 1991 đến nay, xu hướng của luật pháp tôn giáo ở các nước thuộc Liên bang Nga là: thay đổi cách nhìn truyền thống của chế độ xô viết, *cố gắng tiếp cận gần hơn với các Công ước Quốc tế về tôn giáo*, trong đó có vấn đề quan hệ Nhà nước và Giáo hội.

19. V. I. Lênin: *Toàn tập*, t. 12, Nxb. Tiến Bộ Mátxcova, 1980, tr. 171.

20. Xem: Igo Tòrôianốpki. *Công giáo ở Liên Xô*, Novôxti, Mátxcova, 1984, tr. 6.

21. Xem: I. Tòrôianốpki. *Công giáo ở Liên Xô*. Sđd, tr. 10.

IV. THỰC TẠI Ở VIỆT NAM

1. Việt Nam là nước đa dân tộc, đa tôn giáo và văn hóa. Lịch sử tôn giáo ở Việt Nam lâu đời, phát triển đan xen, hoà đồng trên cơ sở tâm thức tôn giáo cởi mở của dân tộc.

Về mặt lý thuyết, trong lịch sử, ở Việt Nam chưa bao giờ có một tôn giáo nào thực sự là *Quốc giáo*, kể cả trường hợp Phật giáo ở thế kỉ XI - XII. Sau này, dù Nho giáo có là rường cột tư tưởng - chính

trị cho chế độ phong kiến, nhưng nó lại không hoàn toàn là một tôn giáo.

Nói chung, các Nhà nước phong kiến ở Việt Nam giống như đa số các nước phương Đông: *Nhà nước đứng trên* các tôn giáo. Nhà vua, Triều đình có đủ mọi quyền lực công nhận, cất nhắc, trả "lương bổng" cho các nhà tu hành, phong thần - "*Bách thần lục*", công nhận bảo hộ mọi cơ sở tôn giáo, thậm chí cả hành lễ tôn giáo.

Sự phức tạp trong quan hệ chính trị - tôn giáo ở Việt Nam thực ra chỉ bắt đầu thời cận đại, khi Kitô giáo và đặc biệt khi chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm nhập vào nước ta.

Từ 1862, dù vẫn tự hào là *quốc gia thế tục*, thi hành một thứ *thực dân theo lối đời* (colonisation laïque), thực dân Pháp cũng vẫn dung dưỡng và dựa vào Giáo hội Công giáo. Sau này, dưới chế độ Thực dân mới ở Miền Nam, chính sách kì thị tôn giáo, dựa vào Công giáo của các thế lực tay sai càng rõ rệt.

Trong các cuộc chiến tranh và cách mạng, vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn là vấn đề ý thức hệ tư tưởng. Các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo làm vũ khí tư tưởng chính trị để chống lại những người "mácxít vô thần".

Vì thế, giải quyết chuyện Đạo - Đời, Nhà nước - Giáo hội trong điều kiện lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến nay quả là một quá trình phức tạp, tế nhị.

2. Nếu xét trên *bình diện định chế, pháp lí* thì Chính phủ ta từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay cũng đã làm được nhiều việc quan trọng cho việc giải quyết quan hệ này trong điều kiện của chế độ mới.

Ngày 4-10-1953, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra sắc lệnh *Chính sách đối với tôn giáo*. Trong khi khẳng định chính sách "tôn trọng tự do tín ngưỡng", "tôn trọng việc thờ cúng và những nơi thờ cúng" phải đặc biệt chú trọng "đoàn kết nhân dân, không phân biệt giáo - lương để kháng chiến kiến quốc".

Ngày 14/6/1955, Sắc lệnh 234-SL của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, do chính Hồ Chí Minh kí, lần đầu tiên đã thể hiện đầy đủ hơn, toàn diện hơn, tỏ rõ thái độ của Chính phủ trong vấn đề này. Thực sự đây là văn bản pháp lí đầu tiên sớm khẳng định tính cách *Nhà nước thế tục* của Việt Nam.

Ngoài việc giải quyết "Các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của các tôn giáo" (chương 2), "Vấn đề ruộng đất của các tôn giáo" (chương 3) còn dành hẳn chương 4 để nói về "Quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo".

"Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo" (Điều 13). Riêng với Công giáo, văn bản ghi nhận: "Quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Việt Nam với Toà thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo". Nhưng đồng thời chính quyền nhân dân cũng đòi hỏi: "Các tổ chức tôn giáo phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà như mọi tổ chức khác của nhân dân" (Điều 14).

Hàng loạt các văn bản của Nhà nước sau đó, từ 1945 đến nay, khi giải quyết mối quan hệ Nhà nước - Giáo hội đều thấm đậm tinh thần: "Trong xã hội ta, tôn giáo có quan hệ tốt với Nhà nước là biết đi theo con đường yêu mến nhân dân, yêu mến Tổ quốc. Trái lại, nếu có tôn giáo nào không muốn có quan hệ tốt với Nhà

nước, không muốn phục tùng chính quyền, là tự mình xa lánh nhân dân, dù hữu ý hay vô tình là chống lại nguyện vọng và lợi ích của nhân dân.

Đi với nhân dân thì tôn giáo được trong sạch, được tiếng thơm tín nhiệm và vinh quang của tôn giáo không thể tách khỏi sự nghiệp chung của nhân dân được"⁽²²⁾.

Như vậy là, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và các Giáo hội trước thời kì Đổi mới đã toát lên xu hướng chủ đạo là: ở Việt Nam, vấn đề *Tôn giáo và Dân tộc* vẫn là vấn đề cơ bản. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, xu hướng này coi việc đấu tranh với âm mưu *chính trị hoá, nhà nước hoá và quần chúng hoá* các tôn giáo của các thế lực đế quốc là cơ bản. Sau 1975, quan hệ ấy thể hiện bằng cuộc đấu tranh cho *xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc, tôn giáo đi liền với chủ nghĩa xã hội*, một xu thế cơ bản, chi phối mọi hoạt động của các tôn giáo.

Từ khi đất nước đổi mới, đặc biệt từ 1990, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước đã có *một bước ngoặt cơ bản* với Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị. Văn kiện các Đại hội, đặc biệt các Đại hội VII, VIII và IX vừa qua đều khẳng định xu hướng đổi mới ấy về chính sách tôn giáo.

Riêng đối với *khía cạnh pháp lí*, lần đầu tiên, đoạn văn quan trọng của Văn kiện Đại hội IX có ghi rõ: *"Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng tôn giáo"* (ĐQH nhấn mạnh). Song đây cũng là quyết tâm của Nhà nước trên con đường *xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* ở nước ta hiện nay.

3. Bản chất Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân do Đảng ta

lãnh đạo. Nhà nước là người đại diện cho lợi ích hợp pháp của nhân dân, trong đó có đồng bào tôn giáo. Về bản chất, quan hệ Nhà nước - Giáo hội ở nước ta hiện nay là không có mâu thuẫn đối kháng về lợi ích. Không những thế, sau hơn 15 năm đổi mới đất nước, mối quan hệ ấy càng bền vững hơn: Chủ thể quản lí (Nhà nước) và khách thể quản lí (các Giáo hội) ngày càng xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ mỗi phía, hướng đến đích chung là xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Nhờ đó, xu hướng *tôn giáo đồng hành với dân tộc* đang thể hiện trên lĩnh vực pháp lí là: các hoạt động tôn giáo ngày càng vận hành đúng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Hơn thế nữa, Nhà nước ta hiện nay ngày càng có khả năng sử dụng cái "quyền lực tôn giáo", "lực lượng tôn giáo", "đoàn thể áp lực", v.v... như đã phân tích ở trên và phát huy những mặt tích cực của nó trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

22. Xem: *Đề cương giải thích Thông tư 11 - 6 - 1964* của Chính phủ về chính sách tôn giáo.